

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HƯNG YÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường *Mã số VIMCERTS 161

Chứng chỉ công nhận phù hợp yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC17025:2017 *Mã số VILAS 568

Địa chỉ cơ sở 1: Số 533 đường Nguyễn Văn Linh, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại : 02216 255 666

E- Mail : quantracmthy@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC
Số: 2010.26/KQQT

Địa điểm quan trắc: Công ty Cổ phần phát triển khu công nghiệp Viglacera Yên Mỹ
Địa chỉ: Khu công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
Loại mẫu: Nước thải
Ngày quan trắc: 15/6/2026
Thời gian thử nghiệm: 15/6/2026 – 10/7/2026
Đại diện tổ quan trắc hiện trường: Man Đình Hữu

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp sử dụng	Kết quả	QCĐP 02:2019/HY
				M.150626.02/ NT02	
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	31,9	40
2	pH	-	TCVN 6492:2011	7,67	6 – 9
3	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185:2015 (Phương pháp C)	10,3 (LOQ = 15)	50
4	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	4,0 (LOQ = 6,0)	34,425
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	22,7 (LOQ = 30)	51,6375
6	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	9,02	20,655
7	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,048 (LOQ = 0,06)	4,05
8	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,109	0,81
9	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL = 0,03)	0,405
10	Tổng Nito	mg/L	TCVN 6638:2000	17,0	16,2
11	Tổng Phốt pho	mg/L	TCVN 6202:2008	0,05 (LOQ = 0,09)	3,24
12	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL = 0,0003)	0,0405
13	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,004 (LOQ = 0,009)	0,081
14	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	KPH (MDL = 0,002)	0,0405
15	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (MDL = 0,0005)	0,00405
16	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL = 0,03)	1,62
17	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL = 0,005)	0,162
18	Niken(Ni)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,006 (LOQ = 0,012)	0,162
19	Kẽm(Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,086 (LOQ = 0,09)	2,43
20	Xianua (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH (MDL = 0,002)	0,0567
21	Dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL = 1,2)	4,05
22	Clorua(Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6194:1996	95,9	405

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;

2. Không được trích sao phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm;

3. Sau 7 ngày kể từ khi nhận được phiếu kết quả thử nghiệm, nếu đơn vị gửi mẫu không có kiến nghị về kết quả, Trung tâm sẽ tiến hành hủy mẫu theo quy định và không giải quyết khiếu nại;

4. Dấu “*”: Những phép thử được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. Dấu “***”: Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC
Số: 2010.26/KQQT

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp sử dụng	Kết quả	QCDP 02:2019/HY
				M.150626.02/ NT02	
23	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL = 0,003)	0,0405
24	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	KPH (MDL = 0,2)	0,81
25	Florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-F- B.D:2023	0,398	4,05
26	Tổng Phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH (MDL = 0,002)	0,081
27	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ . B&D:2023	KPH (MDL = 0,02)	0,162
28	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^{**}	Bq/L	TCVN 8879:2011	KPH (MDL=0,02)	0,1
29	Tổng hoạt độ phóng xạ β ^{**}	Bq/L	TCVN 8879:2011	KPH (MDL=0,04)	1,0
30	Tổng Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	1.300	3.000

Ghi chú:

- M.150626.02/NT02: Mẫu nước thải công nghiệp sau hệ thống xử lý của Công ty tại điểm xả ra ngoài môi trường. Tọa độ N: 20°53'24,6"; E: 106°04'18,5".
- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng;
- QCDP 02:2019/HY- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp, với K_q = 0,9; K_f = 0,9; K_{hy} = 0,85.
- Căn cứ theo Giấy phép môi trường số 206/GPMT-BTNMT cấp ngày 28 tháng 6 năm 2023.
- Thông số Asen(As), Thủy ngân (Hg) được thực hiện bởi cơ sở 2 địa chỉ tại đường số 20, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên (VIMCERTS 016).
- Dấu "+": Giới hạn của thông số không quy định trong Quy chuẩn.
- Dấu "***": Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ - Công ty cổ phần môi trường Đại Nam (VIMCERTS 288).

Hưng Yên, ngày 13 tháng 7 năm 2026

NGƯỜI TỔNG HỢP

PHÒNG PHÂN TÍCH
MÔI TRƯỜNG VÀ ĐỘC CHẤT
Phó Trưởng phòng phụ trách

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Minh Liên

Nguyễn Hữu Chức



Lê Ngọc Ba

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
2. Không được trích sao phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm;
3. Sau 7 ngày kể từ khi nhận được phiếu kết quả thử nghiệm, nếu đơn vị gửi mẫu không có kiến nghị về kết quả, Trung tâm sẽ tiến hành hủy mẫu theo quy định và không giải quyết khiếu nại;
4. Dấu "+": Những phép thử được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. Dấu "***": Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ.



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 07007/2026/PKQ/26.3514

Tên khách hàng : Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường
Địa chỉ : Số 533, Nguyễn Văn Linh, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên
Địa điểm lấy mẫu : Mẫu do khách hàng gửi đến
Loại mẫu : Nước thải Số mẫu: 1
Mã mẫu : 260623.NT.020
Ngày quan trắc/ nhận mẫu : 23/06/2026 Thời gian đo đạc, phân tích : 23/06/2026 - 10/07/2026

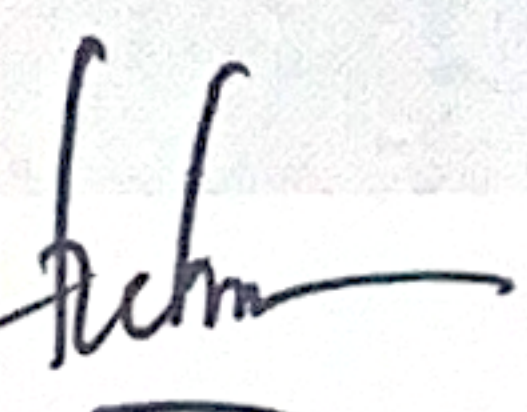
TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả
				260623.NT.020
1	Tổng hoạt độ phóng xạ α	TCVN 8879:2011	Bq/L	KPH (MDL=0,02)
2	Tổng hoạt độ phóng xạ β	TCVN 8879:2011	Bq/L	KPH (MDL=0,04)

Ghi chú:
- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện;
- Vị trí lấy mẫu (Thông tin vị trí lấy mẫu do khách hàng cung cấp):
+ 260623.NT.020: M.150626.02/NT02.

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2026

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM




Chu Thị Chi



GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Huân